

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HỌC VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1975

Hoàng Thanh Tâm

South China Normal University

Email: tamht@tcnue.edu.vn

### Article history

Received: 14/02/2023

Accepted: 18/4/2023

Published: 05/7/2023

### Keywords

Pedagogy, Vietnamese education, formation and development, history of education

### ABSTRACT

Education as a discipline, a modern science, originated in Europe and was introduced to Vietnam under the guidance of the French during the colonial period. The birth of the Democratic Republic of Vietnam has opened up a new history for the Vietnamese education sector, and the pedagogy has been gradually localized to be Vietnamese (aka Vietnamized). This article studies the first stage of the Vietnamization of education from 1945 to 1975 - the period when Vietnamese education gradually transformed from colonial pedagogy to people's democratic and socialist education. This article aims to summarize the pedagogical theories that oriented the development of Vietnam's education in the period 1945 - 1975, serving as a review of the history of pedagogical theory in Vietnam.

### 1. Mở đầu

Ngành Sư phạm nước ta ngày nay đang đứng trước những thách thức của thời đại và xã hội mới. Nghiên cứu lịch sử phát triển của Giáo dục học (GDH) - ngành học, ngành khoa học đặc trưng của sư phạm là điều kiện nhận thức quan trọng để ngành sư phạm tiếp nối quá khứ, mở ra tương lai và hiện thực hóa nhu cầu phát triển xã hội của nước ta. Trước 1945, GDH ở Việt Nam là GDH thực dân chịu sự chi phối của chủ nghĩa thực dân. Khi cách mạng thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thành lập, chủ nghĩa thực dân bị xoá bỏ. GDH dân chủ mới thay thế GDH thực dân, xây dựng và phát triển nền giáo dục dân chủ nhân dân Việt Nam. Sau năm 1954, Việt Nam tiến hành xây dựng xã hội chủ nghĩa (XHCN). Từ 1945-1975, nền sư phạm Việt Nam từng bước chuyển đổi từ phương pháp sư phạm thực dân sang phương pháp sư phạm dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa. Quá trình chuyển đổi này trải qua hai cách tiếp cận: chuyển đổi, xoá bỏ GDH thực dân và nghiên cứu, mô phỏng GDH Liên Xô.

Bài báo này phân tích những chuyển đổi cụ thể của quá trình phi thực dân hoá GDH ở Việt Nam (giai đoạn 1945-1954) và ảnh hưởng của GDH Xô Viết đến sự hình thành ngành học GDH ở Việt Nam (1955-1975). Nghiên cứu này có ý nghĩa tổng kết kinh nghiệm các lý thuyết sư phạm định hướng cho sự phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 1945-1975, nghiên cứu lịch sử phát triển của ngành GDH ở Việt Nam, một nghiên cứu mới thuộc về phạm trù lịch sử GDH.

### 2. Kết quả nghiên cứu

#### 2.1. Giáo dục học thực dân ở Việt Nam

Trước 1945, với mong muốn thông qua cải cách giáo dục để giải Hán hoá và Pháp hoá người Việt, chính quyền Pháp đã nhanh chóng thiết lập hệ thống giáo dục mới kiểu Pháp tại Việt Nam. Trong tiến trình này, các tri thức GDH phương Tây được trực tiếp ứng dụng trong tiến trình xây dựng và giải quyết các vấn đề giáo dục thực tiễn ở xứ thuộc địa Việt Nam. Thêm nữa, trường học mới đòi hỏi một đội ngũ GV được đào tạo chuyên nghiệp theo phương thức sư phạm mới. Các trường sư phạm thuộc địa được thành lập, GDH hay Sư phạm học (pedagogy) - “môn học nghiên cứu các điều quan hệ về giáo dục” (Đào Duy Anh, 2005, tr 227) đã được người Pháp dẫn nhập vào Việt Nam phục vụ trực tiếp nhu cầu đào tạo GV bản xứ cho nền giáo dục thực dân. Năm 1917, theo sự thiết lập trường cao đẳng sư phạm Đông Dương, chương trình GDH ở Việt Nam được phát triển thêm một bậc, phân hoá hơn và khoa học hoá hơn theo xu hướng phát triển chung của thế giới lúc bấy giờ, bao gồm: tâm lý học, tâm lý học ứng dụng trong giáo dục và giảng dạy, sư phạm học, đạo đức xã hội, triết học, vệ sinh học, giáo học pháp, lịch sử GDH, khoa học giáo dục,... Chương trình học được quy định cụ thể đối với từng đối tượng người học, bậc học sư phạm, thời gian học được phân chia cụ thể theo tuần trong từng học kỳ (Hoàng Thanh Tâm, 2021). Tuy nhiên, sau khi các trường sư phạm thuộc địa bị đóng cửa vào những năm 1930, khoá học này đã bị gián lược. Từ sự xuất hiện “Văn minh tân học sách”, người Việt Nam bắt đầu học tập và nghiên cứu GDH phương Tây. Từ năm 1913, Tạp chí Đông Dương bắt đầu giới thiệu và truyền bá về giáo dục phương Tây trong chuyên mục “Sư phạm khoa” do nhà giáo dục Trần Trọng Kim phụ

trách. Đến năm 1919 và 1920, các tạp chí chuyên khoa về sư phạm ra đời gồm “Học báo” (ở Bắc Kỳ) và “Sư phạm học khóa” (ở Nam Kỳ). Cuối năm 1920, các tác phẩm GDH quốc ngữ bắt đầu xuất hiện nhưng thường tập trung ở các chủ đề giáo dục gia đình, giáo dục phụ nữ, giáo dục nhi đồng. Các tác phẩm lí luận thuần túy hầu như không có, hoặc có cũng chỉ là các bài dịch nhỏ từ các sách tiếng Pháp hoặc tiếng Trung. Do đó, trong suốt thời kì thuộc địa, GDH ở Việt Nam thường được hiểu là phương pháp giảng dạy hay nghệ thuật giáo dục hơn là một khoa học.

## 2.2. Chuyển đổi giáo dục học thực dân (1945-1954)

Chuyển đổi GDH của chế độ thực dân, học tập GDH Xô Viết ở Việt Nam không chỉ liên hệ với nhu cầu của chế độ mới - chế độ dân chủ mà còn liên quan đến sự thay đổi triệt để của nền giáo dục Việt Nam.

*- Bối cảnh lịch sử tích cực:*

Năm 1945, với sự thành công của Cách mạng tháng Tám, nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà được thành lập. Nền giáo dục mới mà Việt Nam hướng đến là nền giáo dục dân chủ mới. Vào năm 1946, Đại hội Giáo giới toàn quốc lần thứ nhất khẳng định ba nguyên tắc giáo dục là dân chủ, khoa học và đại chúng. Giáo dục phát triển theo tôn chỉ phụng sự lí tưởng quốc gia và dân chủ. Yêu cầu xây dựng nền giáo dục dân chủ mới ở nước ta là đem giáo dục và công cuộc xây dựng, kiến thiết đất nước liên hệ mật thiết với nhau. Nhiệm vụ chính trị của giáo dục giai đoạn này phải đem tư tưởng chủ nghĩa dân chủ mới giáo dục quần chúng nhân dân. Công việc giáo dục mới phải phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, phải gắn chặt mình với toàn bộ hoạt động xã hội của nhân dân. Theo đó, chúng ta cần một hệ thống lí luận giáo dục mới, một đội ngũ GV mới đủ điều kiện về cả về chất lẫn lượng. Sự tồn tại của GDH thực dân, xét từ bất kì góc độ nào, mô hình, bản chất hay nội dung thì đều không phù hợp với tinh thần và đường lối giáo dục mới mà nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đang hướng đến. Ngày 10/8/1946, Bộ Giáo dục đã ban hành Sắc lệnh số 146, quy định thành lập ngành Sư phạm Việt Nam, mục đích đào tạo những nam nữ GV cho các bậc học cơ bản, THPT, trung học chuyên khoa, thực nghiệp và chuyên nghiệp trong toàn quốc (điều 9) (Việt Nam Dân quốc Công báo, 1946). Lần đầu tiên, một ngành giáo dục chuyên nghiệp được công nhận chính thức là ngành đào tạo có hệ thống, có mô hình riêng bằng một sắc lệnh của Nhà nước (Trần Hồng Quân, 1995, tr 138).

Tuy nhiên, do sự trở lại của thực dân Pháp (năm 1946) khiến quá trình xây dựng ngành Sư phạm nước ta bị ảnh hưởng. Di sản của nền giáo dục thực dân không cung cấp cho chúng ta một đội ngũ cán bộ chuyên môn về GDH mà chỉ có một bộ phận GV được tiếp xúc với GDH trong trường sư phạm thuộc địa. Điều này khiến quá trình đào tạo sư phạm, đặc biệt là đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho GV ở nước ta gặp khó khăn, trong đó việc thiếu thốn tài liệu GDH cũng gây cản trở trong công tác đào tạo đội ngũ GV.

Cải cách giáo dục năm 1950 đưa nền giáo dục nước ta tiến lên bước phát triển mới, xây dựng nền giáo dục dân chủ nhân dân. Sự thay đổi bản chất giáo dục đòi hỏi phải thiết lập một nền giáo dục tương thích, điều này cũng trở thành tiêu chuẩn cơ bản để xây dựng trình độ sư phạm cho GV mới và đánh giá GV cũ. Giáo dục là đối tượng nghiên cứu của GDH, sự thay đổi của giáo dục ở Việt Nam như trên tất yếu dẫn tới sự thay đổi GDH, trước hết là hệ thống lí luận chỉ đạo giáo dục, sau là chương trình giáo dục sư phạm.

*- Những chuyển đổi cụ thể:*

Tháng 2/1950, Hội nghị trừ bị về cải cách giáo dục đề ra phương hướng và nguyên tắc cải cách giáo dục là: “Dân chủ hoá nền giáo dục; đào tạo con người mới, gột rửa tàn tích cũ; chương trình học phải thiết thực theo nhu cầu của xã hội hiện tại”. Sau hội nghị, Tiểu ban chương trình và tiểu ban tổ chức đã được thành lập để nghiên cứu dự thảo chương trình cho các cấp học và từng môn học và nghiên cứu tổ chức lại hệ thống giáo dục theo tinh thần mới. Tháng 7/1950, chúng ta tiến hành cải cách giáo dục lần thứ nhất. Những tri thức GDH về tính chất, nhiệm vụ, phương pháp của giáo dục Việt Nam lần đầu tiên được xác định một cách chính xác và có hệ thống trong “Đề án cải cách giáo dục” năm 1950 (Trần Hồng Quân, 1995, tr 18).

Ngày 09/10/1950, Bộ trưởng Bộ Giáo dục đã ban hành một loạt các Nghị định thành lập các trường sư phạm sơ cấp, trung cấp đào tạo đội ngũ GV cấp 1, 2 phù hợp với chính sách của nền giáo dục mới sau cải cách ở Việt Nam. Nội dung các nghị định quy định rõ phần chuyên môn trong các trường sư phạm gồm các môn học sau: Sinh lí, Tâm lí, sư phạm lí thuyết và thực hành, hành chính học vụ (Việt Nam Dân quốc Công báo, 1950a). Đối với giáo sư các trường THPT và tiểu học toàn quốc, Bộ mở lớp huấn luyện thường xuyên gọi là chương trình “Huấn luyện chuyên nghiệp”. Nội dung chương trình “Huấn luyện chuyên nghiệp” (Sư phạm học khoá) gồm 5 phần: (1) Tư tưởng; (2) Lí luận giáo dục (giáo dục tư sản, giáo dục dân chủ nhân dân, giáo dục nhi đồng, tâm lí nhi đồng, vấn đề cải tổ giáo dục); (3) Sư phạm lí thuyết và thực hành; (4) Hành chính học vụ (Hệ thống tổ chức giáo dục mới, tổ chức nhà trường và lớp học theo tinh thần mới); (5) Sinh hoạt tập thể (Việt Nam Dân quốc Công báo, 1950b). Năm 1952, chương trình “huấn luyện chuyên nghiệp” trở thành khoá học cơ bản trong trường sư phạm trung cấp, và hệ thống

môn học thay đổi bao gồm: (1) Triết học; (2) Lí luận giáo dục (sự tương quan giữa giáo dục và chế độ xã hội, tính chất giáo dục tư sản và giáo dục dân chủ nhân dân, lịch sử giáo dục Việt Nam, triết học giáo dục, cán bộ giáo dục); (3) Tổ chức giáo dục; (4) Công tác giáo dục; (5) Phương pháp dạy từng bộ môn (giáo học pháp bộ môn); (6) Sư phạm thực hành và thực tập. Chương trình huấn luyện này được chia đều nội dung học trong hai năm, mỗi tuần 4 giờ, nêu trong thời kì chuyển tiếp thì học trong 1 năm với 6 giờ mỗi tuần (Cục lưu trữ Quốc gia III, 1952, tr 19-21).

Như vậy, để phục vụ cải cách giáo dục, chúng ta đã xây dựng được hệ thống các trường sư phạm, xây dựng được chương trình học đảm bảo đào tạo người GV có lập trường nhân dân vững chắc, có trình độ chính trị, trình độ chuyên môn, trình độ văn hoá để phục vụ cho nền giáo dục nhân dân. Trong tiến trình xây dựng, chúng ta đã trực tiếp bỏ qua và không sử dụng chương trình sư phạm học cũ. Thay vào đó, chúng ta đã tự cấu trúc lại khoa Sư phạm, xoá bỏ các môn học tâm lí học, lịch sử GDH, xã hội học giáo dục..., bổ sung giáo dục chính trị, tư tưởng, sinh hoạt tập thể; cải biến nội dung lí luận giáo dục. Chương trình khoa sư phạm của Việt Nam giai đoạn này chưa được xây dựng giống như một chuyên ngành khoa học, không cung cấp các học thuyết sư phạm nổi tiếng trên thế giới, mà chỉ cung cấp các tri thức giáo dục phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

### 2.3. Ảnh hưởng của giáo dục học Liên Xô (1955-1975)

Sau năm 1954, nước ta tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Năm 1956, chúng ta tiến hành cải cách giáo dục lần hai mang tính chất chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, nhằm phục vụ nhân dân lao động. Trong khi đó, Liên Xô đã có nhiều năm kinh nghiệm về sự nghiệp văn hoá giáo dục và kinh tế chủ nghĩa xã hội. Thành tựu của Liên Xô về kinh tế và giáo dục giai đoạn này đã khiến Liên Xô trở thành “trường học” cho các nước xây dựng mô hình xã hội chủ nghĩa. Quá trình học tập Liên Xô diễn ra trên tất cả các phương diện, các ngành ở nước ta. Trong lĩnh vực GDH, quá trình học tập GDH Xô Viết của chúng ta thể hiện qua các phương diện là: Xác lập địa vị chỉ đạo của các học thuyết GDH của Mác - Lênin đối với ngành giáo dục Việt Nam; Xây dựng cấu trúc hệ thống GDH dựa theo cấu trúc GDH Xô Viết; Ảnh hưởng đến các quan điểm xây dựng giáo trình GDH ở nước ta.

Những hoạt động cụ thể, thể hiện sự ảnh hưởng của GDH Liên Xô đối với nước ta giai đoạn này là:

(1) Chúng ta dịch các tài liệu, tác phẩm GDH Xô Viết sang tiếng Việt. “*Hoạt động nghiên cứu của Viện khoa học giáo dục thời kì này (1961-1975) mở đầu bằng việc sưu tầm, dịch thuật, giới thiệu một cách có hệ thống, trực tiếp, nguyên bản những tác phẩm kinh điển về giáo dục của Mác, Ăngghen và Lênin về nhiệm vụ, nội dung và phương pháp giáo dục các mặt trong nhà trường*” (Nguyễn Thanh Bình, 2006, tr 35). Các tài liệu này có thể là các tác phẩm nguyên bản tiếng Nga hoặc là bản đã dịch sang tiếng Trung. Các tác phẩm này đã được các trường sư phạm sử dụng làm tài liệu trực tiếp giáo dục hoặc làm tài liệu tham khảo. Trong các tác phẩm được biên dịch thời kì này, cuốn “GDH” của Cairop (1954) chủ biên là tác phẩm có độ ảnh hưởng sớm nhất và sâu rộng nhất trong quá trình phát triển GDH Việt Nam. Cuốn sách này ra đời trong bối cảnh Liên Xô nỗ lực cải cách giáo dục, thực hiện các biện pháp chấn chỉnh việc nghiên cứu các kiến thức khoa học một cách có hệ thống và chú trọng nâng cao chất lượng giảng dạy. Nội dung tác phẩm làm sáng tỏ tính chất, chức năng, mục đích và nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục theo những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin; vạch rõ quy luật giáo dục xã hội chủ nghĩa; nó đóng vai trò lịch sử quan trọng trong việc truyền bá nguyên lí giáo dục của chủ nghĩa Mác - Lênin, tổng kết kinh nghiệm giáo dục xã hội chủ nghĩa, chỉ đạo công tác giáo dục tiểu học và THCS của Liên Xô và bồi dưỡng nhân tài. Cairop nói về những ý tưởng bồi dưỡng xây dựng con người phát triển toàn diện, coi trọng củng cố kiến thức cơ bản và rèn luyện kĩ năng, coi trọng giáo dục trên lớp, coi trọng vai trò chủ đạo của GV, cho rằng làm tốt công tác giáo dục chủ nghĩa xã hội có ý nghĩa chỉ đạo tích cực, nhà nước trực tiếp chỉ đạo công tác giáo dục nhà trường. Với bối cảnh ra đời và các nội dung có tính phù hợp cao với thực tiễn Việt Nam, “GDH” của Cairop nhanh chóng được giới nước ta tiếp nhận. Khu học xá Trung ương năm 1952 dạy nhập môn đầu tiên chính tác phẩm này (Phạm Văn Giêng, 2021, tr 59). Các tài liệu GDH Xô Viết là tài liệu tham khảo cho tiến trình xây dựng ngành GDH nước ta giai đoạn này.

(2) Sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô trong việc xây dựng kế hoạch và chương trình đào tạo nguồn lực cán bộ GDH, học tập GDH, hướng dẫn viết giáo trình GDH. Từ năm 1956, một số chuyên gia Liên Xô được mời sang Việt Nam để giới thiệu mô hình đào tạo cán bộ chuyên môn tại các trường cao đẳng, đại học Việt Nam. Tháng 4/1959, Việt Nam đề nghị Liên Xô cử 15 chuyên gia sang giảng dạy bồi dưỡng GV ở một số trường đại học sư phạm (Phạm Văn Giêng, 2021, tr 64). Trong hai năm học 1959-1960, 1960-1961, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội đã đào tạo được gần 100 GV GDH và tâm lí học với sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô (Cục lưu trữ Quốc gia III, 1962,

tr 27). Các giáo trình GDH đầu tiên của nước ta cũng được biên soạn dưới sự giúp đỡ của chuyên gia Liên Xô (Nguyễn Hữu Tào, 1962). Bên cạnh đó, chúng ta cũng cử cán bộ sang Liên Xô học tập GDH.

(3) Xuất bản các tài liệu, giáo trình GDH và các báo cáo của các học giả trong nước. Đa phần các tác phẩm về GDH giai đoạn này đều được biên soạn dựa theo nội dung và cấu trúc GDH Liên Xô.

Về lịch sử, việc Việt Nam học tập GDH Liên Xô bấy giờ có ý nghĩa tích cực. Dưới góc độ thực tiễn giáo dục, nền sư phạm Liên Xô đề cao thể chế hoá giáo dục và phương pháp sư phạm này đã đóng một vai trò nhất định trong việc ổn định trật tự dạy học trong nhà trường Việt Nam giai đoạn đầu kiến quốc và nâng cao chất lượng giáo dục. Từ góc độ xây dựng GDH, GDH Liên Xô đã giúp chúng ta hoàn thành bước chuyển đổi mô hình lý luận giáo dục thực dân, cung cấp lý luận giáo dục mới lấp đầy khoảng trống về lý luận giáo dục ở nước ta lúc bấy giờ.

#### **2.4. Sự phát triển giáo dục học Việt Nam**

Cùng nền tảng học tập, giới thiệu các tác phẩm giáo dục và GDH Xô Viết với sự tích lũy kinh nghiệm sau nhiều năm thực hành từ thực tiễn xây dựng nền giáo dục dân chủ mới, đội ngũ nhà giáo nước ta không ngừng phát triển và đủ năng lực biên soạn các tác phẩm GDH phản ánh được hệ thống lý luận giáo dục phù hợp với hiện trạng đất nước.

- *Về phương diện xây dựng tài liệu, giáo trình GDH:* Trước 1950, tài liệu GDH ở nước ta chủ yếu ở cấp vĩ mô, các tài liệu vi mô để trang bị nghiệp vụ sư phạm cho GV thì hầu như không có, hoặc là các bản dịch từ tài liệu Pháp, ít và thiếu hệ thống (Nguyễn Cảnh Toàn, 1996, tr 16). Các vấn đề lý luận GDH được thể hiện chủ yếu trong các bài viết, bài phát biểu hoặc tài liệu giáo dục của một số nhà hoạt động giáo dục như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Vũ Đình Hoè, Nguyễn Khánh Toàn... (Nguyễn Thanh Bình, 2006, tr 28). Năm 1954, cuốn “Giáo dục học” của Cairop dịch ra tiếng Việt và được sử dụng làm tài liệu giảng dạy trong các trường sư phạm nước ta. Cùng lúc đó, chúng ta bắt đầu xây dựng các tài liệu GDH của mình trên cơ sở học tập tài liệu nước bạn, tổng kết kinh nghiệm nước mình. Hình thái tài liệu GDH xuất hiện sớm nhất ở nước ta là “dẫn ngôn”. Đầu những năm 1960, sự ra đời của các cuốn “Giáo dục học” (Lê Khánh Bằng, 1961), “Giáo dục học đại cương” (sơ thảo) (Nguyễn Hữu Tào, 1962) đã đánh dấu sự chuyển biến của tài liệu GDH ở Việt Nam từ vĩ mô sang vi mô, từ “dẫn ngôn” sang “khoa học hoá”. Sự ra đời của các tác phẩm này cũng là sự mở màn cho phong trào tự biên soạn giáo trình GDH trong các trường sư phạm. Mặc dù cấu trúc của các giáo trình này phần lớn học tập từ các tài liệu khoa học giáo dục nước bạn nhưng về nội dung có sửa đổi bổ sung thêm các lý luận giáo dục mang tính Việt Nam hóa, chủ yếu là các quan điểm chỉ đạo giáo dục của Đảng Cộng sản Việt Nam với thực tiễn giáo dục nước nhà, thoát li dần sự ảnh hưởng của “GDH” Cairop, đặt dấu mốc mở đầu trong tiến trình xây dựng tài liệu GDH mang bản sắc dân tộc.

- *Về phương diện xây dựng khoa học giáo dục:* Chúng ta vừa xây dựng được các tổ chức GDH vừa xây dựng được cấu trúc nội dung của hệ thống tri thức GDH. Tháng 9/1960, Đại hội Đảng lần thứ III chỉ rõ cần phải “*xúc tiến việc nghiên cứu khoa học giáo dục, xây dựng nền GDH của nước ta*” (Bộ GD-ĐT, 1996, tr 3). Cuối năm 1961, Viện Nghiên cứu giáo dục được thiết lập. Bắt đầu từ việc sưu tầm, dịch thuật các tài liệu về chủ nghĩa Mác - Lênin, kinh nghiệm cải cách giáo dục các nước, các tài liệu khoa học sư phạm trong thập kỉ 60 (Bộ GD-ĐT, 1996, tr 5) thì sang thập kỉ 70, chúng ta đã tiến hành các nghiên cứu thực nghiệm, tổng kết kinh nghiệm trong nước. Hệ thống các chuyên ngành học khoa học giáo dục như GDH, tâm lý học, giáo học pháp bộ môn, lịch sử giáo dục đã được định hình và ngày càng phân hoá chuyên sâu. Bên cạnh đó, các chuyên ngành liên quan như kinh tế học giáo dục, xã hội học giáo dục... cũng được hình thành. Các vấn đề GDH được nghiên cứu ở nước ta đã đi sâu vào nhiều vấn đề cơ bản như: nhân cách và phát triển, quản lý giáo dục, lý thuyết và hệ thống giáo dục quốc dân, lý luận về nội dung và phương pháp dạy học các bộ môn... (Bộ GD-ĐT, 1996, tr 58). Các kết quả nghiên cứu này được phản ánh thông qua các ấn phẩm do Viện Khoa học Giáo dục xuất bản.

Với một nỗ lực không ngừng nghỉ, chúng ta bước đầu tự đào tạo được nguồn cán bộ GV giảng dạy GDH cung cấp cho các trường sư phạm và cơ quan giáo dục. Năm 1959, dưới sự trợ giúp của các chuyên gia Liên Xô chúng ta đã mở được lớp bồi dưỡng cán bộ giảng dạy Tâm lý học và GDH, học 1 năm với chương trình đào tạo chủ yếu gồm GDH, tâm lý học, giáo học pháp bộ môn. Năm 1962, lớp học này chuyển thành hệ 2 năm với chương trình học bao gồm: GDH, tâm lý học, lịch sử giáo dục, giáo học pháp bộ môn, thời sự chính sách giáo dục, chính trị, triết học, vệ sinh học đường, lao động (lao động công nghiệp và lao động nông nghiệp), văn hoá (Cục lưu trữ Quốc gia III, 1967, tr 30). Năm 1965, trong dự thảo chương trình hệ 4 năm của khoa Tâm lý - GDH, chương trình chuyên môn được dự kiến như sau: Tâm lý học (tâm lý học đại cương, tâm lý học chuyên ngành: tâm lý học cá nhân, tâm lý học sư phạm, tâm lý học trẻ em trẻ em), GDH (GDH đại cương, GDH chuyên ngành: lý luận giáo dục, lý luận dạy học, GDH so sánh, lịch sử GDH, GDH lứa tuổi), lịch sử giáo dục và lịch sử tâm lý học, vệ sinh học đường, quản lý nhà trường. (Cục lưu trữ Quốc gia, 1965, tr 13).

GDH Việt Nam có được bước phát triển như trên chính là nhờ sự thay đổi lịch sử của dân tộc, sự phát triển của thực tiễn giáo dục và đặc biệt là sự phát triển của các trường sư phạm. Giai đoạn này, nước ta đã phát triển nội hàm của khái niệm GDH từ “một môn học dạy cách dạy học” trở thành một ngành khoa học độc lập. Thực tế, sự phát triển này cũng chịu ảnh hưởng xu hướng phát triển chung của GDH thế giới. Hơn nữa, với tư cách là một quốc gia mới thành lập có định hướng phát triển đi lên chủ nghĩa xã hội, việc nước ta học tập các nước xã hội chủ nghĩa và lựa chọn chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng lý luận để xây dựng khoa học giáo dục, hỗ trợ việc chuyên nghiệp hóa GV các cấp là một chọn lựa đúng đắn trong đường lối phát triển đất nước của Đảng và Chính phủ.

### 3. Kết luận

Đánh giá một cách tổng quan, từ việc học tập kinh nghiệm nước ngoài, chúng ta đã loại bỏ được các yếu tố tiêu cực của nền sư phạm thực dân cũ; xây dựng GDH Việt Nam thích ứng với bối cảnh đất nước, tiến tới “Việt Nam hoá” GDH. Trong tiến trình ấy, GDH từ một “môn học dạy cách dạy học” đã trở thành một khoa học xã hội có tính Đảng, tính khoa học rõ rệt. GDH Việt Nam giai đoạn 1945-1975 mới ở bước đầu hình thành và mang các đặc điểm: *thứ nhất* là xác lập địa vị chỉ đạo của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; *thứ hai* là chịu ảnh hưởng sâu sắc của GDH Liên Xô; *thứ ba* là có quan hệ mật thiết và trực tiếp với tiến trình phát triển của các trường sư phạm, bởi trước tiên việc xây dựng và phát triển GDH là để phục vụ nâng cao chất lượng nguồn lực GV. Giai đoạn này, do sự biến động của chính trị với kinh nghiệm của chúng ta khuyết thiếu, GDH tuy rằng được kiến lập và cũng đạt được một số thành tựu nhưng không thể đạt tới kì vọng, đáp ứng được những đòi hỏi thực tiễn giáo dục. Đánh giá lại tiến trình xây dựng, đặc điểm phát triển, chương trình của GDH giai đoạn này để chúng ta có một nhìn nhận tổng quát, rút ra kinh nghiệm có lợi ích cho định hướng phát triển GDH nước ta hiện nay và trong những năm tới.

### Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (1996). *Viện Khoa học Giáo dục 35 năm xây dựng và phát triển 1961-1996*. Viện Khoa học Giáo dục.
- Cairop (1954). *Giáo dục học* (Nguyễn Như Ngọc, Nguyễn Tư Huyền, Nguyễn Ngọc San dịch). NXB Khu học xá Trung ương.
- Cục lưu trữ Quốc gia III (1951). *Phòng Bộ Giáo dục: Hồ sơ 1800 về Chương trình sư phạm*.
- Cục lưu trữ Quốc gia III (1952). *Phòng Bộ Giáo dục: Hồ sơ 86 Báo cáo Hội nghị giáo dục chuyên nghiệp*.
- Cục lưu trữ Quốc gia III (1962). *Phòng Bộ Giáo dục: Hồ sơ 1967*.
- Cục lưu trữ Quốc gia III (1965). *Phòng Bộ Giáo dục: Hồ sơ 2253*.
- Đào Duy Anh (2005). *Hán Việt từ điển giản yếu*. NXB Văn hoá - Thông tin.
- Hoàng Thanh Tâm (2021). Giáo dục học trong các trường sư phạm Việt Nam thời kì thuộc địa (1861-1945). *Tạp chí Giáo dục*, 22(4), 59-64.
- Lê Khánh Bằng (1961). *Giáo dục học*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Cảnh Toàn (1996). *Những chặng đường phát triển của ngành sư phạm Việt Nam*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Tảo (1962). *Sơ thảo giáo dục học đại cương*. NXB Giáo dục.
- Nguyễn Thanh Bình (2006). *Lý luận Giáo dục học Việt Nam*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm Văn Giềng (2021). *Đảng lãnh đạo tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô về giáo dục đào tạo thời kì 1954-1975*. Luận án tiến sĩ Lịch sử, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Hồng Quân (1995). *50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo (1945-1995)*. NXB Giáo dục.
- Việt Nam Dân quốc Công báo (1946). *Sắc lệnh 146/SL ngày 10/8/1946 về những nguyên tắc căn bản của nền giáo dục mới*.
- Việt Nam Dân quốc Công báo (1950a). *Nghị định số 11 ngày 15/10/1950 về việc mở các trường sư phạm*. <http://baochi.nlv.gov.vn/baochi/cgi-bin/baochi?a=d&d=JwvzO19501015&e=-195-vi-20--1--img-txIN-s%c6%b0+ph%e1%ba%a1m+h%e1%bb%8dc---->
- Việt Nam Dân quốc Công báo (1950b). *Nghị định số 12 ngày 15/11/1950 về việc mở lớp huấn luyện giáo viên*. <http://baochi.nlv.gov.vn/baochi/cgi-bin/baochi?a=d&d=JwvzO19501115&e=-195-vi-20--1--img-txIN-s%c6%b0+ph%e1%ba%a1m+h%e1%bb%8dc---->